



sī míng

嘶鸣

verb · neigh, whinny (of a horse)

Example Sentences

mǎ zài sī míng

马在嘶鸣。

The horse is neighing.

zhàn mǎ fā chū sī míng shēng

战马发出嘶鸣声。

The warhorse let out a whinny.

yuǎn chù chuán lái jùn mǎ de sī míng

远处传来骏马的嘶鸣。

The neigh of a fine horse came from afar.

Trace each character, then write the word on your own.

嘶嘶嘶嘶嘶嘶嘶嘶嘶嘶嘶嘶
嘶嘶嘶嘶嘶嘶嘶嘶嘶嘶嘶嘶

呜呜呜呜呜呜呜呜呜呜呜呜呜呜